Khuyến nghị	MUA	CTCP Vận tải Dầu khí (HSX: PVT) Vận Tải Thành Công

Giá hiện tại:	**27,400**	Ngày viết báo cáo:	07/03/2022	**CƠ CẤU CỔ ĐÔNG**	
Giá mục tiêu trước đây	-	Cổ phiếu lưu hành (Triệu)	324	PVN	44.35%
Giá mục tiêu (1 năm)	**36,000**	Vốn hóa (tỷ đồng)	8,997	PVcomBank	4.95%
Tỷ suất cổ tức	**3.5%**	Thanh khoản bình quân 6 tháng:	6,548,854		
Tiềm năng tăng giá	**31%**	Sỡ hữu nước ngoài	11.6%		

Bộ phận Retail Research:

Lê Hữu Ngọc
ngoclh@bsc.com.vn

Chuyên viên phân tích kỹ thuật:
(Dành cho NĐT ngắn hạn)
Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Giá khuyến nghị:	33,500 VND
Giá cắt lỗ:	25,000 VND

Bảng so sánh giá CP và VN-Index

Bảng so sánh P/E và VN-Index

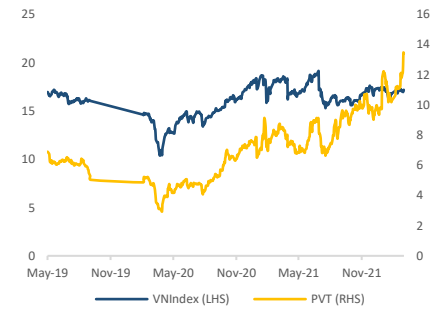

QUAN ĐIỂM ĐỊNH GIÁ

Chúng tôi khuyến nghị **MUA** đối với cổ phiếu PVT với mức giá mục tiêu là **36,000 VND** được xác định bởi phương pháp định giá P/E với P/E mục tiêu 2022 = 13.0x nhằm phản ánh (1) triển vọng tích cực của ngành, với nhu cầu tiêu thụ dầu mỏ và giá dầu tăng mạnh và (2) sự tăng trưởng mạnh mẽ về mặt lợi nhuận của doanh nghiệp và vị thế đội tàu gia tăng.

DỰ BÁO KQKD

BSC dự báo KQKD của PVT trong 2022 như sau:

- **Năm 2022**: DTT và LNST&CĐTS lần lượt đạt **8,950 tỷ VND (+21.5% YoY)** và **902 tỷ VND (+35.5 % YoY)**, **EPS FW2022 = 2,787 VND/CP**, tương ứng với mức **P/E FW2021 = 9.9x**.

Các giả định chính cho KQKD PVT gồm (1) doanh thu vận tải đạt **6,491 tỷ VND (+24% YoY)** nhờ sản lượng gia tăng và cước tàu định hạn tăng 10% YoY và (2) doanh thu FSO/FPSO và khác đạt **2,458 tỷ VND (+15% YoY)** nhờ mức cước cho thuê được điều chỉnh tăng lên do giá dầu Brent năm 2022 tăng **23% YoY.**

TRIỂN VỌNG ĐẦU TƯ

- Cước phí thuê tàu gia tăng nhờ nhu cầu tiêu thụ dầu mỏ hồi phục về mức trước dịch.
- Triển vọng tăng trưởng dài hạn nhờ mở rộng đội tàu và đón đầu xu hướng LNG.

RỦI RO

- Cước thuê tàu định hạn giảm vì cạnh tranh trên thị trường cho thuê.

CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- Năm 2021, PVT ghi nhận DTT và LNST lần lượt đạt đạt **7,368 tỷ VND (-0.2% YoY)** và **666 tỷ VND (-0.6% YoY)** do hoạt động lưu thông vận tải bị hạn chế trong 2H2021.

	2021	2022F	Peer	VN-Index
PE (x)	13.5	9.9	14.7	17.1
PB (x)	1.7	1.7	2.0	2.7
PS (x)	1.2	1.0	1.5	2.1
ROE (%)	12.7	15.1	13.3	16.0
ROA (%)	7.1	8.3	2.4	2.6
EV/ EBITDA (x)	5.7	5.6	14.0	16.1

	2019	2020	2021	2022F
Doanh thu thuần	7,758	7,383	7,368	8,950
Lợi nhuận gộp	1,191	1,118	1,250	1,625
Lợi nhuận sau thuế	821	830	838	1,080
EPS	2,131	2,069	2,056	2,787
Tăng trưởng EPS (%)	5.8%	-2.9%	-0.6%	35.5%
Nợ ròng/ VCSH (%)	93.2%	76.6%	78.8%	86.4%

LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ

Cước phí thuê tàu gia tăng nhờ nhu cầu tiêu thụ dầu mỏ hồi phục về mức trước dịch

Nhu cầu tiêu thụ dầu mỏ thế giới phục hồi về mức trước dịch nhờ tăng trưởng kinh tế. Năm 2020, chịu ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh Covid-19, nền kinh tế toàn cầu đã ghi nhận mức sụt giảm -3.6% YoY GDP; bước sang năm 2021, nhờ (1) chính sách kích thích nền kinh tế và (2) nỗ lực gia tăng tỷ lệ bao phủ vaccine nên GDP toàn cầu đã hồi phục mạnh mẽ, đạt 5.5% YoY. Năm 2022, với tỷ lệ tiêm chủng vaccine toàn cầu đã ở mức cao – hơn 63% dân số đã tiêm ít nhất một mũi vaccine giúp các hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường hóa trở lại, **BSC kì vọng GDP toàn cầu sẽ tiếp tục hồi phục, đạt 4.1% YoY** *(Báo cáo triển vọng năm 2022).* Nhờ nền kinh tế hồi phục, các hoạt động sản xuất, vận tải, du lịch… bình thường hóa, nhu cầu tiêu thụ dầu mỏ từ đó cũng được gia tăng, **BSC kì vọng nhu cầu dầu toàn cầu sẽ tăng thêm 3.3 triệu thùng/ngày vào năm 2022, và phục hồi trở lại mức 100 triệu thùng/ngày (+3.6% YoY)** tương đương nhu cầu dầu thô trước đại dịch Covid *(Báo cáo triển vọng ngành dầu khí năm 2022).*

Hình 1: Tỷ lệ tiêm chủng vaccine toàn cầu tăng nhanh (%)

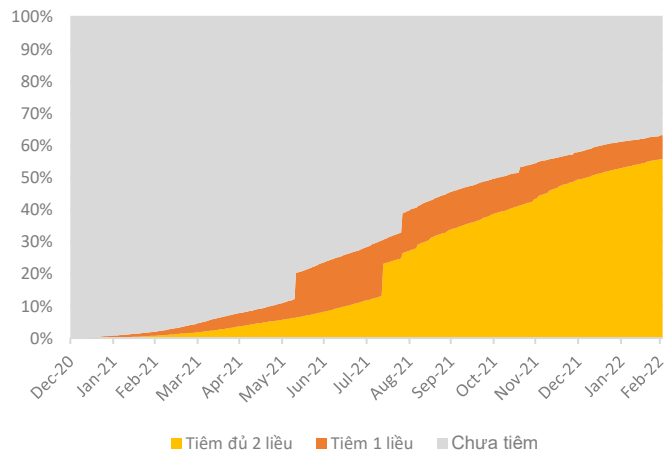

Nguồn: Our World in Data, BSC Research

Hình 2: Kinh tế toàn cầu tiếp tục hồi phục năm 2022 (%)

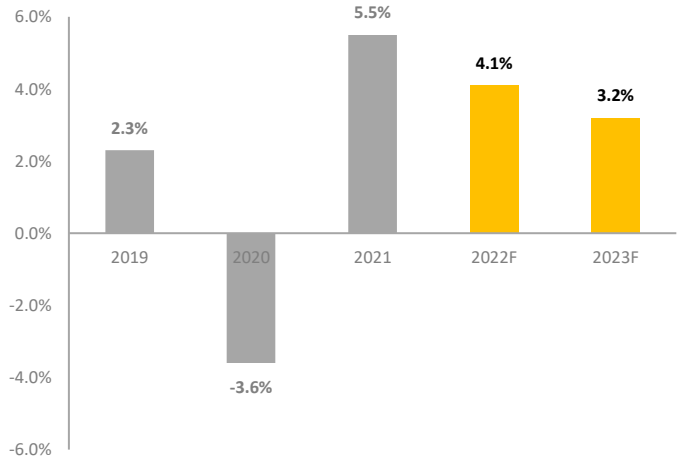

Nguồn: Worldbank, BSC Research

Hình 3: Nhu cầu tiêu thụ dầu hồi phục về mức trước dịch trong năm 2022

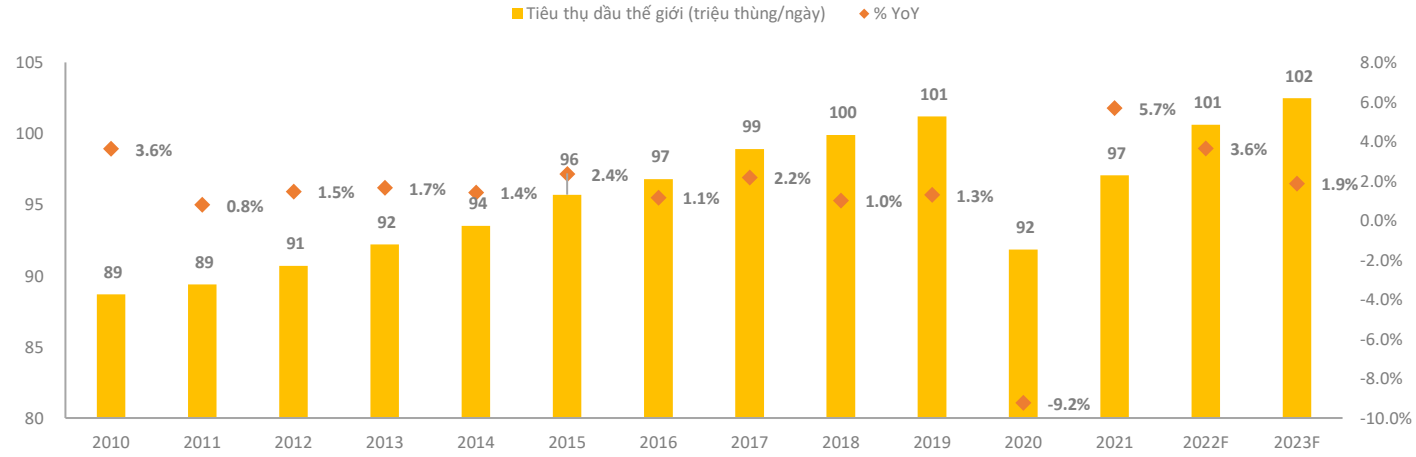

Nguồn: EIA, Worldbank, BSC Research

Nhu cầu tiêu thụ dầu mỏ toàn cầu hồi phục sẽ giúp gia tăng sản lượng dầu mỏ vận chuyển đường biển, từ đó tạo động lực tăng cước vận tải và cước phí thuê tàu. PVT hiện sở hữu đội tàu lên đến 36 chiếc, trong đó 80% tàu chạy quốc tế và chủ yếu được cho thuê định hạn (time-charter), vì thế trong bối cảnh cước vận tải và cước phí thuê tàu gia tăng do hoạt động vận tải sôi động hơn, **PVT sẽ được hưởng lợi tích cực nhờ gia tăng cước thuê, từ đó cải thiện biên lợi nhuận.**

Triển vọng tăng trưởng dài hạn nhờ mở rộng đội tàu và đón đầu xu hướng LNG

PVT có kế hoạch đầu tư 7,400 tỷ VND để trẻ hóa đội tàu, giúp nâng cao năng lực cạnh tranh và cải thiện hiệu suất hoạt động PVT trên thị trường. **BSC đánh giá kế hoạch đầu tư sẽ đem lại hiệu quả cao**, đặc biệt đối với các tàu hoạt động quốc tế do (1) đặc thù chi phí lao động thấp so với các chủ tàu nước ngoài và (2) đội tàu mới được đầu tư với mức chi phí thấp trong bối cảnh chu kỳ ngành thích hợp, từ đó giúp PVT có lợi thế cạnh tranh và cải thiện biên lợi nhuận hoạt động.

Theo Quy hoạch điện VII điều chỉnh, Việt Nam cần xây mới các nhà máy điện sử dụng LNG với tổng công suất **15,000 – 19,000 MW** để đáp ứng nhu cầu điện ngày càng tăng. Theo đó, dự kiến Việt Nam sẽ phải nhập khẩu LNG với sản lượng đạt **8 tỷ m3 vào năm 2030** lớn và tăng dần trong tương lai. Với vị thế đầu ngành và kinh nghiệm vận tải các sản phẩm dầu khí và đặc biệt là mối quan hệ lâu năm với GAS – làm đối tác vận tải LPG cho GAS, **BSC đánh giá PVT khả năng cao sẽ vận tải LNG cho GAS, từ đó tạo động lực tăng trưởng dài hạn.**

Hình 4: Kế hoạch mở rộng đội tàu của PVT (chiếc)

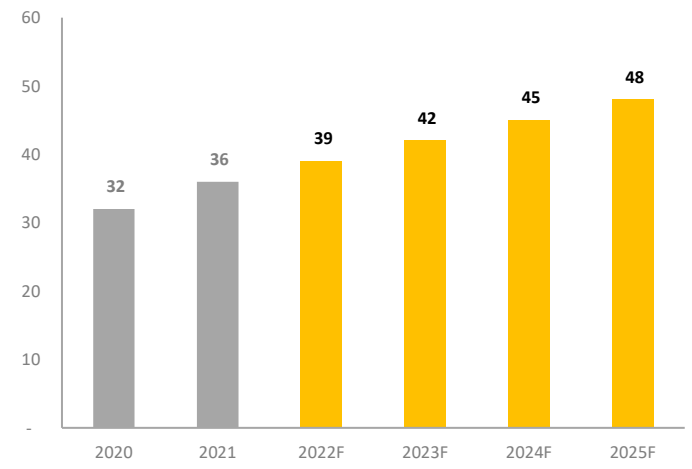

Nguồn: PVT, BSC Research

Hình 5: Sản lượng nhập khẩu LNG kỳ vọng tăng trưởng mạnh mẽ (tỷ m3)

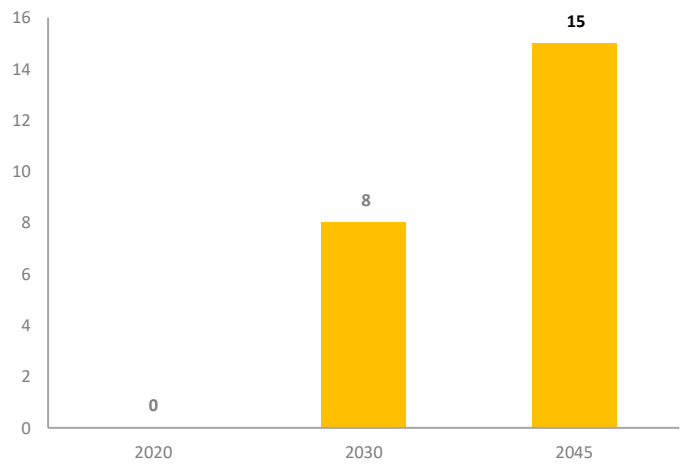

Nguồn: Quy hoạch điện VII, BSC Research

CATALYST

Xung đột Nga – Ukraine tạo động lực cho cước vận tải dầu khí tăng mạnh

Nga là quốc gia sản xuất dầu lớn với nguồn cung hiện tại khoảng **10 triệu thùng/ngày**, tương ứng **10% nhu cầu toàn cầu.** Bất ổn chính trị ở Nga và Ukraine tạo ra rủi ro cho các chủ tàu khi vào cảng 2 quốc gia này, từ đó dẫn tới việc giá cước vận tải các tuyến liên quan đến 2 quốc gia này tăng mạnh do chủ tàu yêu cầu mức phí cao hơn. Tuy PVT chủ yếu cho thuê tàu định hạn hoạt động ở các tuyến Trung Đông, nhưng nếu xung đột Nga – Ukraine kéo dài, việc thiếu hụt nguồn cung dầu từ Nga sẽ dẫn tới việc gia tăng nhu cầu nhập khẩu dầu khí từ các quốc gia khác từ đó giúp tăng giá cước vận tải ở các tuyến khác và **tác động tích cực đến giá cho thuê tàu của PVT.**

Hình 6: Chỉ số Baltic Dirty Tanker Index tăng vọt do xung đột Nga - Ukraine

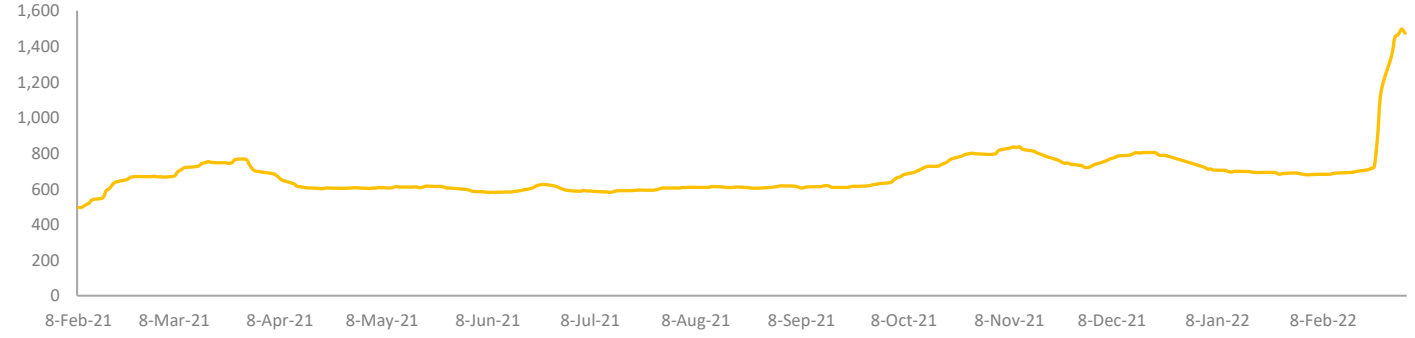

Nguồn: BSC Research

DỰ BÁO KQKD

BSC dự báo KQKD PVT năm 2022: DTT và LNST&CĐTS của PVT lần lượt đạt **8,950 tỷ VND (+21.5% YoY) và 902 tỷ VND (+35.5 % YoY), EPS FW2022 = 2,787 VND/CP,** tương ứng với mức **P/E FW2021 = 9.9x**, dựa trên giả định:

+ **Doanh thu vận tải đạt: 6,491 tỷ VND (+24% YoY)** nhờ (1) sản lượng gia tăng do 6 tàu mới đầu tư năm 2021 được hoạt động đủ 12 tháng và thêm 3 tàu mới năm 2022 và (2) cước thuê tàu định hạn tăng **+10% YoY** nhờ nhu cầu tiêu thụ dầu mỏ hồi phục về mức trước dịch.

+ **Doanh thu FSO/FPSO và khác đạt 2,458 tỷ VND (+15% YoY)** nhờ mức cước cho thuê được điều chỉnh tăng lên do giá dầu Brent năm 2022 dự báo đạt trung bình **90 USD/thùng (+23% YoY).**

+ **Biên lợi nhuận gộp giảm +120 bps sv 2021, đạt 18.2%** nhờ (1) cước phí thuê định hạn tàu dầu thành phẩm và cước thuê FSO/FPSO gia tăng và (2) đội tàu mới đi vào hoạt động với mức cước cao hơn.

+ Thu nhập khác đạt 107 tỷ VND (+180% YoY) nhờ thanh lý tàu Athena dự kiến được thực hiện trong Q1/2022. Tàu hiện đã hết khấu hao và hiện đang được cho thuê trần.

Bảng 3: Dự phóng Kết quả kinh doanh PVT (tỷ VND)

	2019	2020	2021	2022F
Doanh thu thuần	**7,758**	**7,383**	**7,368**	**8,950**
Vận tải	4,284	4,751	5,235	6,491
FSO/FPSO và khác	3,474	2,632	2,133	2,459
Giá vốn hàng bán	(6,567)	(6,264)	(6,118)	(7,325)
Lợi nhuận gộp	1,191	1,118	1,250	1,625
Vận tải	747	842	910	1,168
FSO/FPSO và khác	444	276	340	457
Chi phí bán hàng	(14)	(14)	(10)	(13)
Chi phí QLDN	(249)	(251)	(277)	(337)
Lãi/lỗ HĐKD	**928**	**854**	**963**	**1,276**
Doanh thu tài chính	221	272	181	206
Chi phí lãi vay	(169)	(143)	(147)	(257)
Lợi nhuận từ LDLK	**34**	**30**	**25**	**29**
Lãi/lỗ khác	**26**	**58**	**38**	**107**
Lợi nhuận trước thuế	**1,016**	**1,039**	**1,050**	**1,352**
Thuế thu nhập DN	(195)	(209)	(212)	(273)
LN sau thuế	821	830	838	1,080
CĐTS	131	161	172	178
LNST - CĐTS	690	669	666	902
EPS	**2,131**	**2,069**	**2,056**	**2,787**

Nguồn: BSC Research

ĐỊNH GIÁ VÀ KHUYẾN NGHỊ

Chúng tôi khuyến nghị **MUA** đối với cổ phiếu PVT với giá mục tiêu **36,000 VND/CP**. Mức giá này tương đương upside **31%** (theo giá tham chiếu ngày 07/03/2022 là 27,400 VND)

Phương pháp định giá:

Chúng tôi sử dụng phương pháp định giá P/E với P/E mục tiêu 2022 = 13.0x – cao hơn **mức P/E trung bình 1 năm quá khứ = 9.0x**, BSC cho rằng đây là mức P/E hợp lý nhằm phản ánh (1) Triển vọng tích cực của ngành, với nhu cầu tiêu thụ dầu mỏ và giá dầu tăng mạnh và (2) Sự tăng trưởng mạnh mẽ về mặt lợi nhuận của doanh nghiệp và vị thế đội tàu gia tăng.

Phương pháp P/E	Giá trị
EPSFW2022	2,787 VND/CP
P/E mục tiêu	13.0x
Giá trị hợp lý	**36,000 VND/CP**

Hình 16: P/E PVT

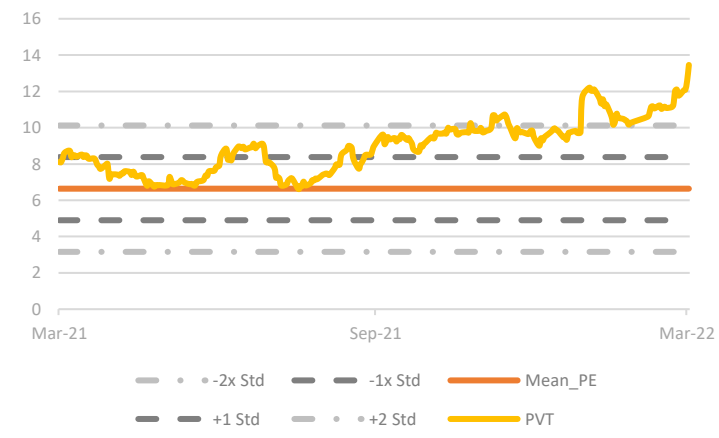

Nguồn: BSC Research

Hình 17: P/B PVT

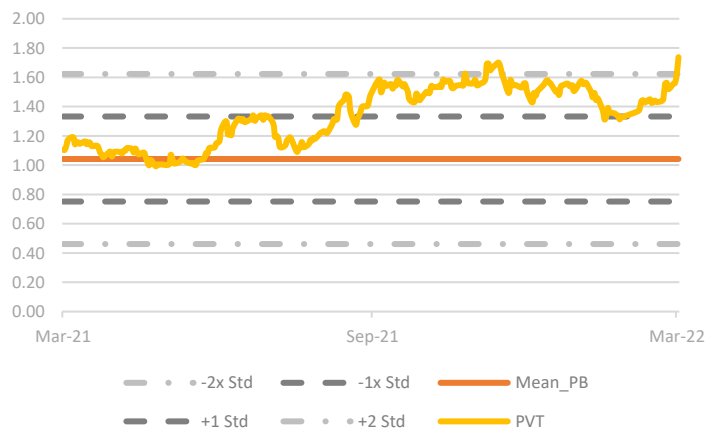

Nguồn: BSC Research

CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

Bảng 4: Cập nhật PVT 2021

Tỷ VND	2020	2021	%YoY
Doanh thu thuần	**7,383**	**7,368**	**-0.2%**
Vận tải	4,751	5,235	10.2%
FSO/FPSO và khác	2,632	2,133	-18.9%
Giá vốn hàng bán	(6,264)	(6,118)	-2.3%
Lợi nhuận gộp	**1,118**	**1,250**	**11.8%**
Vận tải	842	910	8.1%
FSO/FPSO và khác	276	340	23.2%
Biên LNG	**15.1%**	**17.0%**	**+1.9%**
Chi phí bán hàng	(14)	(10)	-24.3%
Chi phí QLDN	(251)	(277)	10.5%
Lãi/lỗ HĐKD	**854**	**963**	**12.8%**
Doanh thu tài chính	272	181	-33.7%
Chi phí lãi vay	(174)	(157)	-9.9%
Lợi nhuận từ LDLK	**30**	**25**	-17.2%
Lãi/lỗ khác	**58**	**38**	-33.5%
Lợi nhuận trước thuế	**1,039**	**1,050**	**1.0%**
Thuế thu nhập DN	(209)	(212)	1.2%
LN sau thuế	**830**	**838**	**0.9%**
CĐTS	161	172	7.1%
LNST - CĐTS	**669**	**666**	**-0.6%**
EPS	**2,069**	**2,056**	**-0.6%**

Nhận xét

DTT 2021 đạt 7,368 tỷ VND (-0.2% YoY) do hoạt động vận tải và vận hành FSO/FPSO bị ảnh hưởng tiêu cực bởi hoạt động vận tải, lưu thông hàng hóa bị hạn chế trong 2H.2021.

Biên lợi nhuận gộp 2021 đạt 17.0% tăng 190 bps vs cùng kỳ do giá thuê ngày tại FSO Đại Hùng Queen được điều chỉnh tăng do giá dầu Brent 2021 đạt trung bình 73 USD/thùng (+75% YoY).

Cập nhật khác:

Đội tàu:

- Trong năm 2021, PVT đã thực hiện mua 5 tàu mới, gồm: 3 tàu dầu/hóa chất, 1 tàu VLGC và 1 tàu hàng rời, đồng thời thanh lý 1 tàu (PVT Sea Lion) thu về **68 tỷ VND**, từ đó sở hữu **36 tàu** vào thời điểm cuối năm 2021.
- Kế hoạch đầu tư tàu VLCC: Vẫn tiếp tục theo dõi mức giá trên thị trường, sẽ mua ở mức giá hợp lý và không phụ thuộc vào việc kí hợp đồng với Nghi Sơn.
- Kế hoạch thanh lý tàu Athena: Vì 1 số vấn đề pháp lý, nên kế hoạch bị hoãn, dự kiến sẽ thực hiện trong Q1/2022.

Nguồn: BSC Research

PHỤ LỤC

KQKD (Tỷ VND)	2019	2020	2021	2022F
Doanh thu thuần	**7,758**	**7,383**	**7,368**	**8,950**
Giá vốn hàng bán	(6,567)	(6,264)	(6,118)	(7,325)
Lợi nhuận gộp	1,191	1,118	1,250	1,625
Chi phí bán hàng	(14)	(14)	(10)	(13)
Chi phí QLDN	(249)	(251)	(277)	(337)
Lãi/lỗ HĐKD	**928**	**854**	**963**	**1,276**
Doanh thu tài chính	221	272	181	206
Chi phí tài chính	(193)	(174)	(157)	(266)
Chi phí lãi vay	(169)	(143)	(147)	(257)
Lợi nhuận từ CTLD/LK	34	30	25	29
Lãi/lỗ khác	26	58	38	107
Lợi nhuận trước thuế	**1,016**	**1,039**	**1,050**	**1,352**
Thuế thu nhập DN	(195)	(209)	(212)	(273)
LN sau thuế	**821**	**830**	**838**	**1,080**
CĐTS	131	161	172	178
LNST - CĐTS	**690**	**669**	**666**	**902**
EPS	**2,131**	**2,069**	**2,056**	**2,787**

LCTT (Tỷ VND)	2019	2020	2021	2022F
(Lỗ)/LNST	821	830	838	1,080
Khấu hao và phân bổ	750	877	930	960
Thay đổi vốn lưu động	(392)	(172)	(1)	109
LCTT từ HĐ KD	**1,179**	**1,536**	**1,767**	**2,148**
Tiền chi mua TSCĐ	(1,823)	(176)	(2,105)	(1,250)
Đầu tư khác	300	(150)	(248)	(10)
LCTT từ HĐ Đầu tư	**(1,523)**	**(326)**	**(2,353)**	**(1,260)**
Tiền chi trả cổ tức	(340)	(169)	(373)	(647)
Tiền từ vay ròng	488	(777)	594	468
Tiền thu khác	127	0	239	0
LCTT từ HĐ Tài chính	**274**	**(945)**	**460**	**(179)**
Dòng tiền đầu kỳ	1,278	1,208	1,473	1,349
Tiền trong kì	(70)	264	(126)	709
Dòng tiền cuối kỳ	**1,208**	**1,473**	**1,349**	**2,059**

CĐKT (Tỷ VND)	2019	2020	2021	2022F
Tiền và tương đương tiền	**1,208**	**1,473**	**1,349**	**2,059**
Đầu tư ngắn hạn	1,479	1,853	1,726	1,726
Phải thu ngắn hạn	865	1,103	1,421	1,587
Tồn kho	127	112	142	152
TS ngắn hạn khác	162	120	161	195
TS ngắn hạn	**3,841**	**4,662**	**4,798**	**5,719**
TS hữu hình	10,705	10,539	12,303	13,553
Khấu hao	(3,928)	(4,680)	(5,329)	(6,287)
TS dở dang dài hạn	0	156	2	2
ĐT dài hạn	199	205	194	233
TS dài hạn khác	180	209	468	7,775
TS dài hạn	**7,157**	**6,428**	**7,639**	**8,010**
Tổng TS	**10,997**	**11,090**	**12,437**	**13,729**
Vay ngắn hạn	1,015	615	777	945
Nợ ngắn hạn khác	1,508	1,804	1,707	2,007
Tổng Nợ ngắn hạn	**2,523**	**2,419**	**2,483**	**2,952**
Vay dài hạn	2,419	1,987	2,465	2,765
Nợ dài hạn khác	365	404	534	649
Tổng Nợ dài hạn	**2,784**	**2,391**	**2,999**	**3,414**
Tổng Nợ	**5,306**	**4,811**	**5,483**	**6,365**
Vốn góp	2,814	3,237	3,237	3,237
Thặng dư vốn cổ phần	0	0	0	0
LN chưa phân phối	991	876	926	1,127
Vốn chủ khác	576	773	1,015	1,046
Cổ đông thiểu số	1,310	1,393	1,777	1,955
Tổng Vốn chủ sở hữu	**5,691**	**6,279**	**6,954**	**7,364**
Tổng nguồn vốn	**10,997**	**11,090**	**12,437**	**13,729**
SLCPLH (Triệu CP)	281	324	324	324

Chỉ số (%)	2019	2020	2021	2022F
Khả năng thanh toán				
Hsố TT ngắn hạn	1.5	1.9	1.9	1.9
Hsố TT nhanh	1.5	1.9	1.9	1.9
Cơ cấu vốn				
Hsố Nợ/TTS	48.3%	43.4%	44.1%	46.4%
Hsố Nợ/VCSH	93.2%	76.6%	78.8%	86.4%
Năng lực hoạt động				
Số ngày HTK	8	7	8	7
Số ngày phải thu	39	41	50	48
Số ngày phải trả	38	39	41	33
CCC	8	8	17	22
Tỉ suất lợi nhuận				
Lợi nhuận gộp	15.4%	15.1%	17.0%	18.2%
LNTT	13.1%	14.1%	14.2%	15.1%
ROE	15.2%	13.9%	12.7%	15.1%
ROA	7.7%	7.5%	7.1%	8.3%
Định Giá				
PE	11.9	13.9	13.5	9.9
PB	1.8	1.8	1.7	1.7
Tăng trưởng				
Tăng trưởng DTT	3.1%	-4.8%	-0.2%	21.5%
Tăng trưởng EBIT	15.7%	-8.0%	12.8%	32.5%
Tăng trưởng LNTT	4.2%	2.3%	1.0%	28.8%
Tăng trưởng EPS	5.8%	-2.9%	-0.6%	35.5%

Nguồn: BSC Research

QUAN ĐIỂM KỸ THUẬT

PVT – CTCP Vận Tải Dầu Khí

Điểm nhấn kỹ thuật:

Xu hướng hiện tại: Tăng điểm.

Chỉ báo xu hướng MACD: Hướng lên, MACD đã cắt lên đường tín hiệu.

Chỉ báo RSI: Vùng quá mua.

Nhận định: PVT đã trải qua một phiên tăng điểm mạnh sau ít ngày tích lũy tại ngưỡng kháng cự gần đây là 25. Phiên tăng điểm với khối lượng lớn ủng hộ đà tăng của cổ phiếu. Tuy nhiên, PVT đang trong giai đoạn tăng nóng khi giá ngày càng đi xa đường MA20 và RSI đã vào vùng quá mua; nhiều khả năng cổ phiếu sẽ điều chỉnh nhẹ trong những phiên tới.

Khuyến nghị: BSC khuyến nghị Nhà đầu tư mở vị thế khi giá quay về test ngưỡng hỗ trợ mới 26.5-27 thành công, cắt lỗ khi PVT rơi khỏi vùng hỗ trợ 24.2-25.

Nguồn: BSC, PTKT iTrade

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về doanh nghiệp. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10&11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84439352722
Fax: +84422200669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh
Tel: +84838218885
Fax: +84838218510

https://www.bsc.com.vn
https://www.facebook.com/BIDVSecurities

Bloomberg: RESP BSCV <GO>